

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H1.

Bà Bùi Thị Thúy B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H3 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng - sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Hòa 2, xã Vĩnh Hòa, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H - sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Hòa 2, xã Vĩnh Hòa, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Tuyết Ng và ông Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp nhận, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vĩnh Hòa ngày 15/9/2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được 03 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, bà Ng cho rằng

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, ông H tính gia trưởng nên không thể có tiếng nói chung. Mặc dù sống chung nhà nhưng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, nhiều lần đã trao đổi hàn gắn lo cho con cái nhưng ông H vẫn tính gia trưởng trầm trọng nên không thể hàn gắn được.

Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, bà Ng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn H và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà Ng và ông H có hai người con chung tên Phạm Nguyễn Như Ng1, sinh ngày 13/4/2009 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 04/3/2011, hiện đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu con theo ai người đó nuôi, nếu con có nguyện vọng theo ông H thì bà Ng cũng đồng ý để cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Ng1 và cháu M là 750.000đồng/1 cháu, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Ng1, cháu M tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết Ng với ông Phạm Văn H. Ghi nhận bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Ng đồng ý giao 02 người con chung tên Phạm Nguyễn Như Ng1, sinh ngày 13/4/2009 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 04/3/2011 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu Ngọc và cháu Minh đang sống chung với ông H. Ghi nhận bà Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Ng1 và cháu M là 750.000đồng/ 1con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử cho đến khi cháu Ng1, cháu M tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Ng tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Ng khai không có nợ chung và không ai có yêu cầu gì nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ng có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Phạm Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông H là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng và ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/9/2008 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo yêu cầu của bà Ng, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Văn H, nguyên nhân chính là bà Ng cho rằng ông H có tính gia trưởng nên không thể nào có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa, nhiều lần đã trao đổi để ông H sửa đổi hàn gắn lo cho con nhưng ông H vẫn tính gia trưởng, không thể hàn gắn. Còn ông H mặc dù Tòa án đã nhiều lần mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà Ng và ông H hòa giải hàn gắn, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc để cùng lo cho con, nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì, chứng tỏ bản thân ông H không muốn hàn gắn gia đình với bà Ng.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa Ng và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng đối với ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, ông H cũng không có ý kiến gì nên ghi nhận.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Ng và ông H có hai người con chung tên Phạm Nguyễn Như Ng1, sinh ngày 13/4/2009 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 04/3/2011, hiện tại hai cháu đang sống với ông H. Theo nguyện vọng của cháu Ng1 và cháu M thì hai cháu muốn

sống chung với cha là ông H. Còn bà Ng thì cũng đồng ý theo nguyện vọng của con, đồng ý giao hai người con cho ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bởi vì hiện tại hai người con đang sống chung với ông H tại nhà của ông bà, còn bà Ng thì phải đi làm ăn xa, hằng tháng phải mượn chỗ ở trọ, không có nơi ở ổn định. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của con chung, HĐXX nhận thấy việc giao hai người con chung của bà Ng và ông H là cháu Phạm Nguyễn Như Ng1 và cháu Phạm Nguyễn Anh M cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo không xáo trộn cuộc sống của con và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận việc bà Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Ng1 và cháu M là 750.000đồng/1cháu, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Ng1, cháu M tròn 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung: bà Ng có ý kiến tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: bà Ng khai không có nợ chung và không có ai có ý kiến yêu cầu nên không xét đến.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Ng phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết Ng đối với ông Phạm Văn H. Cụ thể tuyên:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Ng được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Ghi nhận bà Ng không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn H được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung của ông và bà Ng tên Phạm Nguyễn Như Ng1,

sinh ngày 13/4/2009 và Phạm Nguyễn Anh M, sinh ngày 04/3/2011, hiện đang sống với ông H (phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Ghi nhận việc bà Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Ng1 và cháu M là 750.000đồng/1cháu, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Ng1, cháu M tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bà Ng và ông H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Ng tự thỏa thuận với ông H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: bà Ng khai không có nợ chung và không ai có ý kiến yêu cầu gì nên không xét đến.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 600.000đồng, gồm 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ng phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008443 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre. Như vậy, bà Ng phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký và đóng dấu